

Bản án số: 92/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 11/5/2026

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Trung

2. Ông Mai Huy Mân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 40/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Bùi Thị Kim T**, sinh năm 1980. (xin vắng mặt)

Căn cước công dân: 082180012094, **Cục C1** về trật tự xã hội cấp ngày 29/7/2022.

Địa chỉ: 5 Đường Q, khu phố A, phường C, tỉnh Đồng Tháp. (Trước đây là 517/5/4/12 Đường Q, khu phố A, phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang)

- **Bị đơn:** Anh **Phạm Khắc S**, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Địa chỉ: 5 Đường Q, khu phố A, phường C, tỉnh Đồng Tháp. (Trước đây là 517/5/4/12 Đường Q, khu phố A, phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện 07/7/2025, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Bùi Thị Kim T** trình bày: Vợ chồng chị tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại **UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang** vào năm 1999. **C** sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn kéo dài, ngày càng trầm trọng, chị và anh **S** sống ly thân cho đến nay. Tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh **Phạm Khắc S**.

- Về con chung: Có 01 con chung tên **Phạm Kim N**, sinh năm 2001, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh **Phạm Khắc S** đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Bùi Thị Kim T**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- Tranh chấp ly hôn giữa chị **Bùi Thị Kim T** và anh **Phạm Khắc S** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Nguyên đơn chị **Bùi Thị Kim T** xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh **Phạm Khắc S** được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bùi Thị Kim T** và bị đơn anh **Phạm Khắc S** tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 01 ngày 15/10/1999 tại **UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang**, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị **T** và anh **S** phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi nhau mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ năm 2020. Tình cảm không còn nên chị **T** yêu cầu ly hôn với anh **Phạm Khắc S**. Bị đơn anh **Phạm Khắc S** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có văn bản gì thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị **Bùi Thị Kim T** cũng như không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều đó cho thấy anh **S** đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa anh và chị **T**.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận cho chị **T** được ly hôn với anh **S**.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên **Phạm Kim N**, sinh năm 2001, đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Bùi Thị Kim T** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị **Bùi Thị Kim T** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Bùi Thị Kim T** được ly hôn với anh **Phạm Khắc S**.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên **Phạm Kim N**, sinh năm 2001, đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Bùi Thị Kim T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002062 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên đã thi hành xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Cảnh